

**TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM, ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH,
KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Báo cáo tình hình tài chính	7 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 18

13440
CÔNG
KẾ V
CH
TH
HỒ
VH PH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông (dưới đây gọi tắt là "Trung tâm") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải Bến Tre, được đổi tên từ Trung tâm Đăng kiểm và Sát hạch giấy phép lái xe theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành. Đến ngày 16 tháng 03 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã giao quyền tự chủ cho Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông trong giai đoạn 2017 – 2019 theo Quyết định số 552/QĐ-UBND.

Nhiệm vụ của Trung tâm:

- Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đào tạo lái xe mô tô các hạng (A1, A2, A3, A4); đào tạo lái xe ô tô các hạng (B1, B2, C, D, E, F); đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;
- Tổ chức quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác sát hạch lái xe mô tô trên địa bàn tỉnh;
- Tư vấn và kiểm định chất lượng công trình giao thông;
 - o Khảo sát thiết kế, lập dự án các công trình giao thông;
 - o Thẩm tra thiết kế dự toán các công trình giao thông;
 - o Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án các công trình giao thông;
 - o Tư vấn quản lý dự án các công trình giao thông;
 - o Kiểm định đánh giá chất lượng công trình xây dựng giao thông;
 - o Kiểm tra xác định chất liệu xây dựng công trình;
 - o Giám sát kỹ thuật thi công công trình xây dựng giao thông;
 - o Khoan thăm dò địa chất công trình.

Cơ chế tài chính của Trung tâm: là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động; cơ chế tài chính thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về loại hình đơn vị sự nghiệp có thu.

2. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm đã điều hành hoạt động của Trung tâm trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Dương Duy Phong	Giám đốc
- Ông Huỳnh Nguyên Thạch	Phó Giám đốc
- Ông Lương Nguyễn Uy Hải	Phó Giám đốc
- Ông Lê Hữu Thoại	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Trung tâm có trụ sở tại số 7, Nguyễn Văn Tư, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

640-G
TY T
HỆ T
NH P
CHÍ M
Ồ H C

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Trung tâm được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Trung tâm cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trung tâm bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Trung tâm. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Trung tâm được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Trung tâm xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Trung tâm sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Trung tâm cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm và đảm bảo Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

01-C
NH
AM
H
H
NH
CH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Trung tâm, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Trung tâm vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 11 tháng 03 năm 2019

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Dương Duy Phong
Giám đốc – Thủ trưởng đơn vị



Số: 016/2019/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

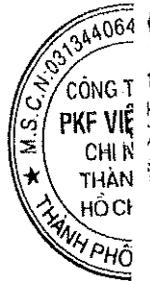
Kính gửi: **CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM, ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, KIỂM ĐỊNH VÀ TƯ VẤN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 18 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Trung tâm theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông, và được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông chưa được kiểm toán.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1

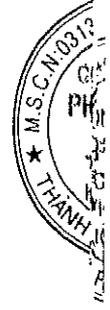
Trần Thị Yến Nhi
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4118-2017-242-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01/BCTC
 Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	Tiền	01	5.1	2.743.912.271	1.030.405.824
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05		-	-
III	Các khoản phải thu	10		1.957.004.318	1.859.628.500
1	Phải thu khách hàng	11	5.2	1.323.148.500	811.149.182
2	Trả trước cho người bán	12		-	-
3	Phải thu nội bộ	13		-	-
4	Các khoản phải thu khác	14	5.3	633.855.818	1.048.479.318
IV	Hàng tồn kho	20		-	-
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25		-	-
VI	Tài sản cố định	30	5.4	13.750.443.974	14.399.412.152
1	Tài sản cố định hữu hình	31		7.379.106.374	8.028.074.552
	- Nguyên giá	32		8.539.158.271	8.539.158.271
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	33		(1.160.051.897)	(511.083.719)
2	Tài sản cố định vô hình	35		6.371.337.600	6.371.337.600
	- Nguyên giá	36		6.371.337.600	6.371.337.600
	- Khấu hao và hao mòn lũy kế	37		-	-
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40		-	-
VIII	Tài sản khác	45		-	-
TONG CỘNG TÀI SẢN		50		18.451.360.563	17.289.446.476
I	Nợ phải trả	60		1.534.364.335	1.719.996.611
1	Phải trả nhà cung cấp	61		-	-
2	Các khoản nhận trước của khách hàng	62		-	-
3	Phải trả nội bộ	63		-	-
4	Phải trả nợ vay	64		-	-
5	Tạm thu	65		-	-
6	Các quỹ đặc thù	66		-	-
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67		-	-
8	Nợ phải trả khác	68	5.5	1.534.364.335	737.408.347
II	TÀI SẢN THUẬN	70		16.916.996.228	15.569.449.865
1	Nguồn vốn kinh doanh	71	5.6	13.740.628.048	13.740.628.048
2	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	72		800.000.000	-
3	Các quỹ	73	5.7	1.378.919.153	796.243.012
4	Tài sản thuận khác	74	5.8	997.449.027	1.032.578.805
TONG CỘNG NGUỒN VỐN		80		18.451.360.563	17.289.446.476



Ngày 11 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Lê Văn Phà

Nguyễn Thị Kim Thía

Dương Duy Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B02/BCTC

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP					
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	6.1	555.107.524	499.505.928
	a. Từ NSNN cấp	02		-	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03		-	-
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04		555.107.524	499.505.928
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	6.1	555.107.524	-
	a. Chi phí hoạt động	06		-	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07		-	-
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08		555.107.524	-
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09		-	499.505.928
II HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, DỊCH VỤ					
1	Doanh thu	10	6.2	10.525.124.345	8.353.106.268
2	Chi phí	11	6.2	6.852.319.656	6.141.202.455
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12		3.672.804.689	2.211.903.813
III HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1	Doanh thu	20		-	-
2	Chi phí	21		-	-
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22		-	-
IV HOẠT ĐỘNG KHÁC					
1	Thu nhập khác	30		-	-
2	Chi phí khác	31		-	-
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32		-	-
V CHI PHÍ THUẾ TNDN					
40		40	6.3	437.957.118	335.277.476
VI THẶNG DƯ/ THÂM HỤT TRONG NĂM (50=09+12+22+32-40)					
50		50		3.234.847.571	2.376.132.265
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	70		-	-
2	Phân phối cho các quỹ		6.4	2.370.150.620	2.328.609.620
3	Kinh phí cải cách tiền lương	71		64.696.951	47.522.645

A40640-
ÔNG TỶ Y
F VIỆT
CHI NHÀ
THÀNH H
TỔ CHỨC M
PHỐ HỒ

Ngày 11 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Văn Phà



Nguyễn Thị Kim Thia

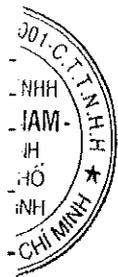


Dương Duy Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B03b/BCTC
 Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH				
	Thặng dư (thâm hụt) trong năm	01		3.234.847.571	2.376.132.265
	Điều chỉnh cho các khoản không phát sinh bằng tiền				
1	Khấu hao và hao mòn TSCĐ trong năm	02		648.968.178	511.083.719
2	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá	03		-	-
3	Lãi/Lỗ từ các khoản đầu tư	04		-	-
4	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	05		(2.072.933.484)	(3.583.752.948)
5	Tăng/giảm hàng tồn kho	06		-	-
6	Tăng/giảm các khoản phải thu	07		(97.375.818)	918.636.357
7	Thu khác từ hoạt động chính	08		-	-
8	Chi khác từ hoạt động chính	09		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính	10		1.713.506.447	222.099.393
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21		-	-
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		-	-
3	Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định	23		-	-
4	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	24		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31		-	-
2	Tiền nhận vốn góp	32		-	-
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33		-	-
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34		-	-
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.713.506.447	222.099.393
V	SỐ DƯ TIỀN ĐẦU NĂM	60		1.030.405.824	808.306.431
VI	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	70		-	-
VII	SỐ DƯ TIỀN CUỐI NĂM	80		2.743.912.271	1.030.405.824



11.02.2019

Ngày 11 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Lê Văn Phà

Nguyễn Thị Kim Thia

Dương Duy Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B04/BCTC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Đơn vị Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông

Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

Tên cơ quan cấp trên trực tiếp: Sở Giao thông vận tải Bến Tre

Thuộc đơn vị cấp 2. Loại hình đơn vị: Đơn vị SNCL tự chủ chi thường xuyên

Quyết định giao tự chủ tài chính số 552/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị:

- Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ;
- Đào tạo lái xe mô tô các hạng (A1, A2, A3, A4); đào tạo lái xe ô tô các hạng (B1, B2, C, D, E, F); đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;
- Tổ chức quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác sát hạch lái xe mô tô trên địa bàn tỉnh;
- Tư vấn và kiểm định chất lượng công trình giao thông:
 - o Khảo sát thiết kế, lập dự án các công trình giao thông;
 - o Thẩm tra thiết kế dự toán các công trình giao thông;
 - o Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án các công trình giao thông;
 - o Tư vấn quản lý dự án các công trình giao thông;
 - o Kiểm định đánh giá chất lượng công trình xây dựng giao thông;
 - o Kiểm tra xác định chất liệu xây dựng công trình;
 - o Giám sát kỹ thuật thi công công trình xây dựng giao thông;
 - o Khoan thăm dò địa chất công trình.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Trung tâm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền gửi Kho bạc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.2. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu khác của Trung tâm và được chi tiết cho từng đối tượng phải thu.

4.3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc); giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định của Trung tâm gồm giá trị được giao giao Theo Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2017 và mua sắm mới sau ngày 28 tháng 07 năm 2017.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo hướng dẫn của Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Trung tâm như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất thừa đất số 11, tờ bản đồ số 20 tại phường 7, thành phố Bến Tre với diện tích 3.645,3 m². Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre giao theo Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 28 tháng 07 năm 2017 với mục đích sử dụng đất là đất công trình sự nghiệp không kinh doanh. Quyền sử dụng đất không khấu hao.

4.4. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Trung tâm và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

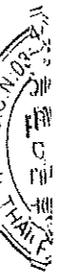
4.5. Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-ĐK7101S ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm, Đào tạo, Sát hạch, Kiểm định và Tư vấn Công trình Giao thông.

4.6. Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Trung tâm có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại bao gồm 20% tiền lệ phí cấp tem kiểm định để lại đơn vị và 1,2% tiền phí sử dụng đường bộ để lại đơn vị.
- (ii) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ bao gồm các doanh thu từ các hoạt động chính của Trung tâm. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Trung tâm là 10%, một số dịch vụ không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo hướng dẫn chính sách thuế Thu nhập doanh nghiệp số 666/CT-TTHT ngày 18 tháng 04 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Bến Tre. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể:

- (i) Tỷ lệ 5% bao gồm: Hoạt động kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, hoạt động tư vấn và kiểm định chất lượng công trình, thu cho thuê cơ sở vật chất phục vụ cho công tác sát hạch lái xe, thu hoa hồng bảo hiểm, thu lãi tiền gửi, thu tiền chụp hình, thu tiền giữ xe, thu tiền cho thuê căn tin;
- (ii) Tỷ lệ 2% bao gồm: Hoạt động đào tạo lái xe;
- (iii) Tỷ lệ 1% bao gồm: Thu tiền bán tài liệu.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1 Tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	108.143.453	37.305.218
- Tiền gửi ngân hàng	2.615.248.129	371.965.942
- Tiền gửi kho bạc	20.520.689	621.134.664
Tổng cộng tiền	2.743.912.271	1.030.405.824

5.2 Phải thu khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ban quản lý bảo trì công trình đường bộ	276.707.000	207.492.000
- BQL các DA ĐTXD huyện Ba Tri	213.210.000	141.380.000
- BQLDA ĐTXD Các CTGT tỉnh Bến Tre	468.711.000	229.214.000
- BQLDA ĐTXD Khu Vực huyện Thạnh Phú	301.429.500	130.000.000
- Các khách hàng khác	63.091.000	103.063.182
Tổng phải thu khách hàng	1.323.148.500	811.149.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.3 Các khoản phải thu khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	157.855.818	403.881.818
- Khâu Thị Ngọc Tuyết	157.855.818	316.181.818
- Các nhân viên khác	-	87.700.000
Phải thu khác	476.000.000	644.597.500
- Phải thu cải cách 40% tiền lương	476.000.000	528.000.000
- Phải thu khác	-	116.597.500
Tổng các khoản phải thu khác	633.855.818	1.048.479.318

5.4 Tài sản cố định

Khoản mục chi tiết	Tổng cộng	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.910.495.871	8.539.158.271	6.371.337.600
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	1.160.051.897	1.160.051.897	-
Giá trị còn lại cuối năm	13.750.443.974	7.379.106.374	6.371.337.600

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	4.284.201.508	3.954.061.292	300.895.471	8.539.158.271
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	4.284.201.508	3.954.061.292	300.895.471	8.539.158.271

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	247.622.522	222.377.604	41.083.593	511.083.719
Khấu hao trong năm	247.622.522	360.262.063	41.083.593	648.968.178
Số cuối năm	495.245.044	582.639.667	82.167.186	1.160.051.897

Giá trị còn lại

Số đầu năm	4.036.578.986	3.731.683.688	259.811.878	8.028.074.552
Số cuối năm	3.788.956.464	3.371.421.625	218.728.285	7.379.106.374

Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.371.337.600	-	6.371.337.600
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.371.337.600	-	6.371.337.600

106
IG TH
VIỆ
HI N
I AN
O CH
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.5 Nợ phải trả khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải nộp theo lương	49.997	49.997
- Bảo hiểm xã hội	49.997	49.997
Các khoản phải nộp nhà nước	445.910.264	367.926.752
- Thuế GTGT đầu ra	283.833.688	164.177.883
- Phí, lệ phí	-	105.956.084
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	162.076.576	97.792.785
Phải trả người lao động	728.620.900	614.611.515
Phải trả khác	359.783.174	-
- Các khoản thu hộ, chi hộ	240.000	-
- Phải trả tiền công tác phí	359.543.174	-
Tổng các khoản phải trả khác	1.534.364.335	982.588.264

5.6 Nguồn vốn kinh doanh

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Do NSNN cấp	13.740.628.048	13.740.628.048
- Vốn góp (chi tiếp đơn vị góp vốn)	-	-
- Khác (Chi tiết)	-	-
Tổng nguồn vốn kinh doanh	13.740.628.048	13.740.628.048

5.7 Các quỹ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng	149.987.061	158.634.555
- Quỹ phúc lợi	68.829.758	207.199
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.160.102.334	637.401.258
Tổng các quỹ	1.378.919.153	796.243.012

5.8 Tài sản thuần khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn cải cách tiền lương	997.449.027	1.032.578.805
Tổng tài sản thuần khác	997.449.027	1.032.578.805

0-01
 Y TH
 T N
 HAN
 I PH
 II MI
 HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.9 Biến động của nguồn vốn

	Các khoản mục thuộc nguồn vốn				
	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế	Các quỹ	Nguồn cải cách tiền lương	Cộng
- Số đầu năm	13.740.628.048	-	796.243.012	1.032.578.805	15.569.449.865
- Tăng thặng dư (thâm hụt) lũy kế từ kết quả hoạt động	-	3.234.847.571	-	-	3.234.847.571
- Giảm thặng dư (thâm hụt) lũy kế do chia các quỹ	-	(2.434.847.571)	-	-	(2.434.847.571)
- Tăng các quỹ từ thặng dư (thâm hụt) lũy kế	-	-	2.370.150.620	64.696.951	2.434.847.571
- Tăng quỹ khác	-	-	4.154.331	-	4.154.331
- Giảm quỹ trong năm	-	-	(1.791.628.810)	(99.826.729)	(1.891.455.539)
Số dư cuối năm	13.740.628.048	800.000.000	1.378.919.153	997.449.027	16.916.996.228

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

6.1. Hoạt động hành chính sự nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	555.107.524	499.505.928
Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	555.107.524	499.505.928
Chi phí		
Chi phí hoạt động thu phí	555.107.524	499.505.928
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	147.107.846	-
- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	3.000.000	-
- Chi phí hao mòn TSCĐ	160.422.969	-
- Chi phí hoạt động khác	244.576.709	-

27/12/2018
 H.H.
 A.H.
 H.
 T.H.
 H.H.
 H.H.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	10.525.124.345	8.353.106.268
- Tư vấn giám sát và kiểm định công trình giao thông	4.393.541.078	2.626.141.564
- Kiểm định	3.569.826.102	3.353.876.081
- Học phí A1	1.221.550.000	994.390.000
- Học phí A2	49.600.000	48.000.000
- Học phí A3	250.000.000	312.500.000
- Cho thuê trung tâm sát hạch	620.116.362	537.616.363
- Cho thuê hội trường	24.886.364	63.636.364
- Cho thuê xe A1	46.590.913	46.363.641
- Bảo hiểm	103.271.069	127.745.106
- Các doanh thu khác	245.742.457	242.837.149
Chi phí	6.852.319.656	6.141.202.455
- Giá vốn hàng bán	1.166.661.767	-
- Chi phí quản lý	5.685.657.889	6.141.202.455
+ <i>Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên</i>	2.296.242.019	3.128.719.410
+ <i>Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng</i>	889.680.745	522.089.578
+ <i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	488.545.209	511.083.719
+ <i>Chi phí hoạt động khác</i>	2.011.189.916	1.979.309.748

6.3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	437.957.118	335.277.476
Cộng	437.957.118	335.277.476

6.4. Phân phối cho các quỹ

	2018 (VND)	2017 (VND)
Quỹ khen thưởng	142.252.506	147.868.483
Quỹ phúc lợi	341.290.059	365.017.600
Quỹ bổ sung thu nhập	1.294.070.400	1.233.571.132
Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	592.537.655	582.152.405
Quỹ khác (cải cách tiền lương)	64.696.951	47.522.645
Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm	2.434.847.571	2.376.132.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2018) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

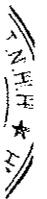
7.3. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Trung tâm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Sở Giao thông vận tải Bến Tre	Đơn vị chủ quản
- Ông Dương Duy Phong	Thành viên quản lý chủ chốt
- Ông Huỳnh Nguyên Thạch	Thành viên quản lý chủ chốt
- Ông Lương Nguyễn Uy Hải	Thành viên quản lý chủ chốt
- Ông Lê Hữu Thoại	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm tài chính không có các nghiệp vụ phát sinh và số dư công nợ giữa Trung tâm với các bên có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7.4. Thông tin thay đổi so với Báo cáo tài chính kỳ trước

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm chưa được kiểm toán.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Trung tâm áp dụng Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Thông tư 107/2017/TT-BTC thay thế Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp và Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

Ngày 11 tháng 03 năm 2019

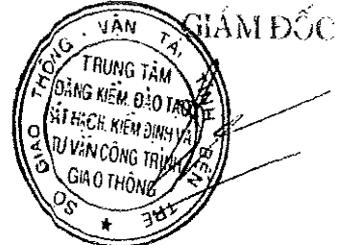
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Lê Văn Phà


Nguyễn Thị Kim Thia


Dương Duy Phong

